

Nghệ An, ngày 02 tháng 10 năm 2015

BẢNG KÊ KHAI
CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ Y TẾ, NHÂN LỰC

1. Cơ sở hạ tầng:

- Diện tích mặt bằng: 505 m².
- Diện tích sử dụng: 660 m².
- Bình quân diện tích: 63 m²/ giường bệnh.

Trạm Y tế của nhà trường được bố trí 8 phòng nhà tầng, mỗi phòng rộng 45 m² và có công trình phụ khép kín.

TT	Tên phòng	Diện tích
1	Phòng Trưởng Trạm	45 m ²
2	Kho thuốc	45 m ²
3	Phòng trực cấp cứu, BHYT	45 m ²
4	Phòng họp	45 m ²
5	Phòng đa chức năng	45 m ²
6	Phòng Khám bệnh, tư vấn	45 m ²
7	Phòng RHM	45 m ²
8	Phòng bệnh nhân	45 m ²

2. Thiết bị y tế:

Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 2271/2002/BYT-QĐ ngày 17 tháng 6 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế (Danh mục kèm theo).

TT	TÊN BỘ PHẬN VÀ TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
I	DỤNG CỤ KHÁM ĐIỀU TRỊ CHUNG		
1	Giường bệnh	Cái	12
2	Tủ đầu giường	Cái	12
3	Bàn khám bệnh	Cái	2
4	Đèn bàn khám bệnh	Cái	2
5	Huyết áp	Cái	6
6	Ống nghe 2 dây	Cái	6

7	Nhiệt Kế y học 42 C	Cái	20
8	Máy châm cứu	Cái	1
9	Bộ kim châm cứu các loại (Bổ sung thêm khi có nhu cầu)	Bộ	10
10	Máy khí dung	Cái	3
11	Máy đo đường huyết	Cái	2
12	Bình O xy	Cái	1
13	Quạt sưởi	Cái	3
14	Nồi hấp điện khử trùng	Cái	1
15	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	Bộ	2
16	Cân có thước đo	Cái	2
17	Đèn lưới I nox	Cái	300
18	Đèn lưới gỗ	Cái	300
19	Bàn đé	Cái	1
20	Bàn đé dụng cụ	Cái	1
21	Cáng tay	Cái	1
22	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	Cái	2
23	Khay quả đậu 825 ml Inox	Cái	2
24	Hộp tiểu phẫu	Hộp	3
25	Khay quả đậu 475 ml Inox	Cái	2
26	Khay đựng dụng cụ vuông	Cái	2
27	Hộp hấp bông gạc có nắp	Cái	2
28	Tủ sấy dụng cụ bằng điện	Cái	1
29	Bồn rửa tay có vòi	Cái	8
30	Bơm tiêm nhựa 1 lần 5ml	Cái	200
31	Kẹp phẫu tích thẳng có máu	Cái	3
32	Kẹp phẫu tích cong không máu	Cái	3
33	Kẹp phẫu tích thẳng không máu	Cái	1
34	Kéo thẳng nhọn 150cm	Cái	3
35	Kéo thẳng tù 150 cm	Cái	3
36	Kéo cong tù	Cái	3
37	Kéo cắt bông gạc	Cái	3
38	Kim mang kim Mayo 20cm	Cái	3
39	Kim cong các cỡ	Cái	5
40	Panh thẳng có máu	Cái	3

41	Panh thẳng không máu	Cái	3
42	Chỉ Lin	Cuộn	1
43	Kẹp bờ my	Cái	1
44	Kẹp cố định cháp	Cái	1
45	Mặt nạ Ambu	Cái	1
46	Chỉ liên kim các cỡ	Cái	10
47	Bảng thử thị lực	Cái	2
48	Kính lúp	Cái	2
49	Ghế răng đơn giản	Cái	1
50	Máy Xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Cái	1
51	Kìm nhổ răng trẻ em	Cái	2
52	Kìm nhổ răng người lớn	Cái	1
53	Bộ lấy cao răng bằng tay	Bộ	3
54	Đén khám chuyên khoa	Cái	3
55	Máy khí dung	Cái	3
56	Cán dao số 4	Cái	2
57	Lưỡi dao mổ	Cái	10
58	Tủ đựng thuốc	Cái	2
59	Bô tròn	Cái	5
60	Bốc thụt tháo, dây dẫn	Bộ	2
61	Túi chườm nóng	Cái	2
62	Cốc thủy tinh chia độ	Cái	1
63	Bộ nẹp chân, tay	Bộ	5
64	Garô tiêm truyền, cầm máu	Cái	5
65	Bông Y tế	Kg	3
66	Băng gạc đắp Vết thương VT	Miếng	500
67	Băng vết thương Y tế	Cuộn	100
II	KHÁM ĐIỀU TRỊ SẢN PHỤ KHOA		
1	Bàn khám phụ khoa, bàn đẻ	Cái	1
2	Thước dây	Cái	1
3	Ống nghe tim thai	Cái	1
4	Bơm tiêm 5ml	Cái	5
5	Khay quả đậu	Cái	1
6	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Đôi	10
III	DỤNG CỤ TIỆT KHUẨN		

1	Nồi hấp áp lực 20 lít (điện)	Cái	1
2	Tủ sấy điện	Cái	1
3	Hộp hấp có nắp	Cái	1
IV	THIẾT BỊ THÔNG DỤNG		
1	Bàn làm việc	Cái	9
2	Ghế	Cái	20
3	Ghế băng	Cái	2
4	Tủ đựng tài liệu	Cái	3
5	Lò sưởi điện	Cái	3
6	Máy tính kết nối Internet	Cái	5
7	Máy in	Cái	3
8	Máy tính Casio	Cái	4
V	TÚI Y TẾ CẤP CỨU		
1	Túi đựng dụng cụ	Cái	1
2	Panh thẳng có máu	Cái	1
3	Panh thẳng không máu	Cái	1
4	Kẹp phẫu tích có máu	Cái	1
5	Kẹp phẫu tích có máu	Cái	1
6	Huyết áp, ống nghe	Bộ	1
7	Nhiệt kế	Cái	1
8	Hộp tiểu phẫu	Hộp	1
9	Bông cotton Y tế	Hộp	1
10	Băng gạc đắp vết thương	Miếng	5
11	Băng vết thương	Cuộn	5
12	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Đôi	3
13	Bộ nẹp tay, chân	Bộ	1
14	Kéo thẳng	Cái	1

3. Bảng mô tả mô hình tổ chức và nhân lực:

TT	Chức vụ	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
1	Trưởng Trạm	Thái Thị Tân	Bác sĩ đa khoa	
2	P.Trưởng Trạm	Nguyễn Hoàng Hà	Y sĩ đa khoa	
3		Nguyễn Thị Hiến	Bác sĩ đa khoa	
4		Nguyễn Thị Mai Phương	Y sỹ Răng hàm mặt	

5		Nguyễn Thị Thanh Ngọc	Y sỹ đa khoa	
6		Đường Hải Hồng	Y sỹ đa khoa	
7		Cao Thị Thanh Yên	Điều dưỡng trung học	
8		Đặng Thị Tịnh	Điều dưỡng trung học	
9		Nguyễn Thị Đức Hạnh	Dược sỹ trung học	

TRƯỞNG TRẠM



Bs Thái Thị Tân

Nghệ An, ngày 01 tháng 12 năm 2017

BẢNG KÊ KHAI
CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ Y TẾ, NHÂN LỰC

1. Cơ sở hạ tầng

- Diện tích mặt bằng: 256 m².
- Diện tích sử dụng: 225 m².
- Bình quân diện tích: 10 m²/ giường bệnh.

Trạm Y tế của nhà trường được bố trí 8 phòng nhà cấp 4 kiên cố, mỗi phòng rộng 20 m² và có công trình phụ khép kín.

TT	Tên phòng	Diện tích
1	Phòng Trưởng Trạm	20 m ²
2	Kho thuốc	20 m ²
3	Phòng trực cấp cứu, BHYT	20 m ²
4	Phòng họp	20 m ²
5	Phòng đa chức năng	20 m ²
6	Phòng Khám bệnh, tư vấn	20 m ²
7	Phòng RHM	20 m ²
8	Phòng bệnh nhân	20 m ²

2. Thiết bị y tế:

Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 2271/2002/BYT-QĐ ngày 17 tháng 6 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế (Danh mục kèm theo).

TT	TÊN BỘ PHẬN VÀ TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
I	DỤNG CỤ KHÁM ĐIỀU TRỊ CHUNG		
1	Giường bệnh	Cái	12
2	Tủ đầu giường	Cái	12
3	Bàn khám bệnh	Cái	2
4	Đèn bàn khám bệnh	Cái	2
5	Huyết áp	Cái	6
6	Ống nghe 2 dây	Cái	6

7	Nhiệt Kế y học 42 C	Cái	20
8	Máy châm cứu	Cái	1
9	Bộ kim châm cứu các loại (Bổ sung thêm khi có nhu cầu)	Bộ	10
10	Máy khí dung	Cái	3
11	Máy đo đường huyết	Cái	2
12	Bình O xy	Cái	1
13	Quạt sưởi	Cái	3
14	Nồi hấp điện khử trùng	Cái	1
15	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	Bộ	2
16	Cân có thước đo	Cái	2
17	Đèn lưới I nox	Cái	300
18	Đèn lưới gỗ	Cái	300
19	Bàn để	Cái	1
20	Bàn để dụng cụ	Cái	1
21	Cáng tay	Cái	1
22	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	Cái	2
23	Khay quả đậu 825 ml Inox	Cái	2
24	Hộp tiêu phẫu	Hộp	3
25	Khay quả đậu 475 ml Inox	Cái	2
26	Khay đựng dụng cụ vuông	Cái	2
27	Hộp hấp bông gạc có nắp	Cái	2
28	Tủ sấy dụng cụ bằng điện	Cái	1
29	Bồn rửa tay có vòi	Cái	8
30	Bơm tiêm nhựa 1 lần 5ml	Cái	200
31	Kẹp phẫu tích thẳng có máu	Cái	3
32	Kẹp phẫu tích cong không máu	Cái	3
33	Kẹp phẫu tích thẳng không máu	Cái	1
34	Kéo thẳng nhọn 150cm	Cái	3
35	Kéo thẳng tù 150 cm	Cái	3
36	Kéo cong tù	Cái	3
37	Kéo cắt bông gạc	Cái	3
38	Kim mang kim Mayo 20cm	Cái	3
39	Kim cong các cỡ	Cái	5
40	Panh thẳng có máu	Cái	3

41	Panh thẳng không máu	Cái	3
42	Chỉ Lin	Cuộn	1
43	Kẹp bờ my	Cái	1
44	Kẹp cố định chấp	Cái	1
45	Mặt nạ Ambu	Cái	1
46	Chỉ liên kim các cỡ	Cái	10
47	Bảng thử thị lực	Cái	2
48	Kính lúp	Cái	2
49	Ghế răng đơn giản	Cái	1
50	Máy Xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Cái	1
51	Kim nhổ răng trẻ em	Cái	2
52	Kim nhổ răng người lớn	Cái	1
53	Bộ lấy cao răng bằng tay	Bộ	3
54	Đến khám chuyên khoa	Cái	3
55	Máy khí dung	Cái	3
56	Cán dao số 4	Cái	2
57	Lưỡi dao mổ	Cái	10
58	Tủ đựng thuốc	Cái	2
59	Bô tròn	Cái	5
60	Bóc thụt tháo, dây dẫn	Bộ	2
61	Túi chườm nóng	Cái	2
62	Cốc thủy tinh chia độ	Cái	1
63	Bộ nẹp chân, tay	Bộ	5
64	Garô tiêm truyền, cầm máu	Cái	5
65	Bông Y tế	Kg	3
66	Băng gạc đắp Vết thương VT	Miếng	500
67	Băng vết thương Y tế	Cuộn	100
II	KHÁM ĐIỀU TRỊ SẢN PHỤ KHOA		
1	Bàn khám phụ khoa, bàn đẻ	Cái	1
2	Thước dây	Cái	1
3	Ống nghe tim thai	Cái	1
4	Bơm tiêm 5ml	Cái	5
5	Khay quả đậu	Cái	1
6	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Đôi	10
III	DỤNG CỤ TIẾT KHUẨN		

1	Nồi hấp áp lực 20 lít (điện)	Cái	1
2	Tủ sấy điện	Cái	1
3	Hộp hấp có nắp	Cái	1
IV	THIẾT BỊ THÔNG DỤNG		
1	Bàn làm việc	Cái	9
2	Ghế	Cái	20
3	Ghế băng	Cái	2
4	Tủ đựng tài liệu	Cái	3
5	Lò sưởi điện	Cái	3
6	Máy tính kết nối Internet	Cái	5
7	Máy in	Cái	3
8	Máy tính Casio	Cái	4
V	TÚI Y TẾ CẤP CỨU		
1	Túi đựng dụng cụ	Cái	1
2	Panh thẳng có máu	Cái	1
3	Panh thẳng không máu	Cái	1
4	Kẹp phẫu tích có máu	Cái	1
5	Kẹp phẫu tích có máu	Cái	1
6	Huyết áp, ống nghe	Bộ	1
7	Nhiệt kế	Cái	1
8	Hộp tiêu phẫu	Hộp	1
9	Bông cotton Y tế	Hộp	1
10	Băng gạc đắp vết thương	Miếng	5
11	Băng vết thương	Cuộn	5
12	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Đôi	3
13	Bộ nẹp tay, chân	Bộ	1
14	Kéo thẳng	Cái	1

3. Bảng mô tả mô hình tổ chức và nhân lực:

TT	Chức vụ	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động CM
1	Trưởng Trạm	Thái Thị Tân	Bác sĩ đa khoa	007352/NA-CCHN	Khám chữa bệnh Đa khoa (tại Trạm Y tế)
2	P.Trưởng	Nguyễn Hoàng	Y sĩ đa khoa	007354/NA-CCHN	Khám chữa bệnh Đa khoa

	Trạm	Hà			(tại Trạm Y tế)
3		Nguyễn Thị Hiền	Bác sĩ đa khoa	007353/NA-CCHN	Khám chữa bệnh Đa khoa (tại Trạm Y tế)
4		Nguyễn Thị Mai Phương	Y sỹ Răng hàm mặt	007420/NA-CCHN	Thực hiện CM điều dưỡng RHM
5		Nguyễn Thị Thanh Ngọc	Y sỹ đa khoa	007358/NA-CCHN	Khám chữa bệnh Đa khoa (tại Trạm Y tế)
6		Đường Hải Hồng	Y sỹ đa khoa	007355/NA-CCHN	Khám chữa bệnh Đa khoa (tại Trạm Y tế)
7		Cao Thị Thanh Yên	Điều dưỡng trung học	007357/NA-CCHN	Thực hiện CM điều dưỡng TH
8		Đặng Thị Tịnh	Điều dưỡng trung học	007356/NA-CCHN	Thực hiện CM điều dưỡng TH
9		Nguyễn Thị Đức Hạnh	Dược sỹ trung học		
10		Bùi Trọng Dương	Y sỹ đa khoa		
11		Nguyễn Thị Thùy Linh	Điều dưỡng CĐ Phụ sản		


TRƯỞNG TRẠM
Bs Thái Thị Tân